

## DÒNG ĐỜI... VÀ NỖI NHỚ

Tháng 1, 2026

Tháng 1 đầu năm dương lịch là thời điểm người Việt khắp nơi đang chuẩn bị đón tết âm lịch, riêng người Việt trong các cộng đồng tỵ nạn cộng sản trên thế giới cũng đã bắt đầu chuẩn bị cho lễ kỷ niệm Ngày Quốc Hận 30–4, tính đến nay đã là 51 năm.

Cả hai thời điểm này đều là những cột mốc quan trọng, gọi cho chúng ta nhiều nỗi nhớ. Tết đến, làm sao chúng ta quên được những mùa Xuân miền Nam thanh bình, vui tươi, êm ấm vào những năm đầu của nền Đệ nhất Cộng Hòa, khiến chúng ta nhớ hoài những kỷ niệm đẹp khi cùng gia đình vui Xuân đón Tết. Nhưng cuộc chiến chống bắc quân cộng sản xâm lược ngày càng khốc liệt. Xuân về trong thời chiến khiến không khí Tết không còn như xưa. Kỷ niệm đau thương của những ngày Tết Mậu Thân 1968 mà đồng bào miền Nam, nhất là đồng bào Huế trải qua vẫn khắc sâu trong ký ức của quân, dân miền Nam, không thể xóa nhòa. Và hằng năm khi Tháng Tư Đen trở về, chúng ta lại nhớ đến cảnh dân miền Nam tấp tể chạy giặc cộng như trong một cơn đại hồng thủy vào những ngày tháng cuối cùng của cuộc chiến; nhớ đến ngày 30 tháng 4, 1975 oan nghiệt với cảnh “nước mất, nhà tan”; nhớ đến các trại tù cộng sản nơi giam cầm cả trăm ngàn quân, dân, cán, chính VNCH; nhớ đến hàng trăm ngàn đồng bào miền Nam chết thảm trong những chuyến vượt biên, vượt biển hải hùng sau 1975.

Dòng đời với những kỷ niệm tôi không quên được lại trở về.

### Thời thơ ấu: 1936–1954

Là người sinh trưởng tại miền bắc, và trưởng thành tại miền Nam, tôi đã sống trọn cuộc đời mình trong cuộc chiến chống cộng sản: hơn nửa đời sống tại Việt Nam, trong đó có 19 năm với vai trò một người lính, cầm súng bảo vệ quê hương; rồi non nửa đời còn lại là một người tỵ nạn cộng sản sống lưu vong tại Hoa Kỳ (từ tháng 8, 1992). Vào các thời điểm nhiều ý nghĩa này, tôi lại nhớ đến những chặng đời thăng trầm của mình, để chiêm nghiệm lại những gì đã trải qua, cảm nhận lại những thành, bại trong đời; và rút ra những bài học quý giá trong cuộc sống.

Thập niên 30 của thế kỷ 19, Việt Nam vẫn còn là một thuộc địa của Pháp, đất nước bị cuốn vào vòng xoáy của nhiều cuộc chiến cả trong nước lẫn trên thế giới. Trong nước là cuộc kháng chiến lâu dài của người Việt chống thực dân Pháp giành độc lập, rồi lại đến cuộc chiến giữa các lực lượng người Việt khác nhau về chính kiến, về ý thức hệ (quốc gia và cộng sản). Vì vậy đất nước bị tàn phá không những bởi bom đạn của giặc ngoại xâm,

mà còn của các lực lượng người Việt đối kháng nhau. Trên thế giới, sự xung đột giữa phe Trục và phe Đồng Minh ngày càng căng thẳng và cuối cùng đã dẫn đến chiến tranh thế giới thứ hai (1939–1945). Do sinh ra trong thời chiến tranh phức tạp như vậy, nên tôi không được hưởng thời thơ ấu êm đềm, phải đi học xa nhà và phải chạy giặc, lánh nạn từ lúc nhỏ. 1954, năm tôi 18 tuổi, đúng tuổi trưởng thành thì một biến cố lớn trong đời đã xảy ra: đất nước Việt bị chia đôi, và tôi đã theo gia đình di cư vào Nam tìm tự do. Đây là lần thứ nhất tôi rời bỏ quê hương lánh nạn cộng sản.

Nỗi nhớ trong giai đoạn này nổi bật nhất là kỷ niệm về những ngày Tết đón Xuân hiem hoi cùng gia đình. Bên cạnh những kỷ niệm đẹp đó còn là những nỗi buồn, nỗi lo của một thiếu niên phải đi học xa nhà; cuộc sống thường xuyên bị gián đoạn vì bom đạn của giặc Pháp, và vì sự khủng bố của Việt Minh (VM tuy chống thực dân Pháp, nhưng vì theo chủ nghĩa cộng sản nên cũng thẳng tay tiêu diệt người Việt quốc gia không theo cộng sản).

### **Thời trưởng thành, vào đời: 1954–1975**

Khi hiệp định Geneve được ký kết tháng 7, 1954, cuộc chiến tranh quốc–cộng trở nên rõ nét và quyết liệt: Việt cộng, với sự giúp đỡ của khối cộng sản quốc tế, đã chiếm được một nửa nước Việt, ở miền bắc, ranh giới là vĩ tuyến 17 tại miền trung (sông Bến Hải). Tại đây CSBV đã thành lập một quốc gia mới mang tên Việt Nam Dân Chủ Cộng Hòa, theo chủ nghĩa xã hội, tin vào lý thuyết Mác–Lê, rập khuôn theo các nước cộng sản tại Liên Xô (độc tài, đảng trị, chống chủ nghĩa tư bản phương tây). Người Việt quốc gia chống cộng di chuyển vào Nam, thành lập quốc gia Việt Nam Cộng Hòa, theo chủ nghĩa tư bản, xây dựng một xã hội tự do, dân chủ, tôn trọng nhân quyền tại Nam Việt Nam (từ vĩ tuyến 17 đến Mũi Cà Mau).

Trưởng thành vào lúc đất nước chịu cảnh phân đôi, một lãnh thổ nhưng hai quốc gia với hai ý thức hệ đối nghịch nhau nên giống như nhiều thanh niên cùng lứa tuổi, tôi chọn phục vụ đất nước bằng binh nghiệp, nên đã tình nguyện vào trường Võ Bị Quốc Gia Việt Nam để trở thành một sĩ quan hiện dịch trong Quân đội VNCH. Chương trình học tại trường Võ Bị, thời gian huấn luyện tùy thời điểm tuy khác nhau, nhưng có cùng mục đích: “đào tạo sinh viên tốt nghiệp trở thành những cấp chỉ huy tài năng và đức độ, có học vấn quân sự đầy đủ, tinh thần kỷ luật cao, lý tưởng quốc gia vững, để đáp ứng nhu cầu của một quân đội quốc gia hùng mạnh mang sứ mạng bảo quốc, an dân”.

Tốt nghiệp Khoá 13 Thống Nhất tháng 4, 1958, tôi được chuyển về phục vụ tại Sư Đoàn Khinh Chiến 15, về sau Sư Đoàn này được tổ chức lại thành Sư Đoàn 23 bộ binh. Suốt 19 năm trong quân đội, tôi đã qua nhiều đơn vị từ tác chiến trong những năm đầu, đến công việc tham mưu những năm về sau; và cuối cùng được điều về Bộ Chỉ Huy III Tiếp vận Long Bình (1972); cấp bậc và chức vụ cuối cùng là thiếu tá Phụ tá Trưởng Khôi Chiến Tranh Chính Trị Bộ Chỉ Huy III Tiếp Vận, căn cứ Long Bình, Biên Hòa (tháng 4, 1975). Sau khi tốt nghiệp, anh em K. 13 mỗi người mỗi đơn vị, nên tôi cũng ít có cơ hội gặp lại

các bạn đồng khoá, và chỉ còn nhớ lại kỷ niệm với một số anh em có thời gian ở cùng đơn vị như các anh Nguyễn Xuân Ngải, Trần Tấn Ngọc, Dương Văn Bằng, Hồ Đắc Trúc.

19 năm trong quân đội, tôi làm việc dưới quyền của nhiều cấp chỉ huy, nhưng tôi nhớ nhiều kỷ niệm với Trung tá Võ Văn Cảnh, Chỉ huy trưởng Trung Đoàn 43, thuộc Sư Đoàn 23 Bộ Binh. Ông rất nghiêm túc, coi trọng việc giữ kỷ cương của quân đội trong đơn vị ông phụ trách. Tôi là người kỹ tính, có kỷ luật nên cũng không gặp vấn đề gì trong thời gian làm việc dưới quyền ông. Đối với các quân nhân cấp nhỏ trong đơn vị, tôi đối xử với họ công bằng và thân ái, nên họ cũng quý mến tôi, coi như người thân trong gia đình. Đến nay tôi vẫn còn nhớ đến chú Nho, một người lính (sau lên cấp bậc trung sĩ) phục vụ tại đơn vị thời gian tôi phụ trách Trung Tâm An Dưỡng Sĩ Quan Vũng Tàu. Chú rất tận tụy với công việc và rất kính trọng cấp chỉ huy, một người lính tuy cấp nhỏ, nhưng có tư cách đáng quý.

Bình nghiệp của tôi, cũng như của các quân nhân Quân Lực VNCH bất ngờ chấm dứt với biến cố ngày 30 tháng 4, 1975, khi miền Nam rơi vào tay bắc quân cộng sản xâm lược. Một trang sử đen tối bắt đầu cho cả nước.

### **Thời mất nước, ở tù cộng sản: 1975–1984**

Tôi ở lại đơn vị đến những ngày cuối cùng của cuộc chiến (28 tháng 4, 1975). Trong thế cờ tàn, các chỉ huy cao cấp của đơn vị tôi cũng đành phải ra đi, để các thuộc cấp phải tự lo cho bản thân và gia đình. Trưa 29 tháng 4, tôi đưa gia đình gồm vợ và hai con nhỏ (23 tháng và 6 tháng) đến Trung tâm Hoàn Cầu Khải Tượng (World Vision), một tổ chức thiện nguyện của Tin Lành, gần tòa đại sứ Hoa Kỳ, tính cùng gia đình một người bạn là Trung tá Nguyễn Bá Hựu vượt thoát khỏi Sài Gòn vào những giờ phút cuối cùng. Nhưng đã quá trễ, đường phố Sài Gòn hỗn loạn với những dòng người tấp tể chạy giặc, súng nổ khắp nơi; tôi lo sợ cho tính mạng của hai con nhỏ, nên đành quay trở về nhà. Gia đình anh Hựu cũng quay về, và sau này anh Hựu cũng bị đi tù cs.

**15 tháng 6, 1975**, tôi phải đi trình diện “học tập, cải tạo” tại Trung Tâm Kỹ Thuật Phú Thọ, và bắt đầu cuộc đời tù cộng sản suốt 9 năm, qua nhiều trại tù cả Nam lẫn Bắc, trước khi được thả về vào tháng 4, 1984. Đây là quãng thời gian cơ cực nhất trong đời! Cộng sản chỉ muốn giết hết những người lính trong quân đội miền Nam, nhưng không làm được, nên chúng đày đoạ, sỉ nhục họ; để đói rét và bệnh hoạn sẽ giết chết họ từ từ. Cả trăm ngàn tù nhân đã chết trong các trại tù này. Đây là cách Việt cộng tiêu diệt các tinh hoa, nhân tài của chế độ miền Nam; để miền đất này không còn cơ hội lật đổ chế độ mới của chúng! Nhớ lại những chiến hữu, đồng bào xấu số này, tôi không khỏi ngậm ngùi, và lại càng cảm thấy ghê tởm bọn VC, miệng nói “khoan hồng, học tập, cải tạo”, nhưng lại giết đồng bào của mình không gớm tay!

Thời gian trong tù, người tù phải cố gắng vượt qua nhiều thử thách: với đói, rét, bệnh của thể xác; với khủng hoảng tinh thần do lũ cán bộ vc gây ra; và nhất là với nỗi cô đơn triền

miền để sinh tồn. Tôi rất nhớ nhà, thương mẹ già khắc khoải lo âu, vì có ba con trai phải đi tù cs, thương người vợ trẻ vừa kết hôn chưa tròn 3 năm, thương hai con gái nhỏ, ngày tôi xa nhà, cháu lớn chưa đầy 2 tuổi, cháu nhỏ ra đời mới được 6 tháng, còn ngày về thì tôi không còn nghĩ tới nữa!

Tôi đi tù 3 năm (1978), còn trên đất bắc, thì nhận tin dữ của gia đình, cha tôi (64 tuổi) đột ngột qua đời vì đứt mạch máu não. Ông bất tỉnh trong lúc ngủ, sáng hôm sau được đưa vào bệnh viện, nhưng không qua khỏi. Tôi chỉ biết thấp nén hương lòng tiễn đưa cha, tôi là con trai cả trong gia đình, nên lòng càng đau xót. Chú em thứ 5 của tôi, cũng đang bị tù, nhưng ở trong Nam, nên được trại cho về vài ngày chịu tang cha.

Thời gian trong tù, tôi cũng có vài kỷ niệm vui đáng nhớ. Có lần khi đang xếp hàng nhập một trại tù mới ở Yên Bái, tôi nghe có tiếng gọi “Có chú Nguyễn Quốc Đống ở đây không?” Sau này mới biết người tù bất chấp kỷ luật trại, lên tiếng gọi tôi là anh Nghiêm (nhạc sĩ Vũ Đức Nghiêm, người anh họ đời con dì). Lại có thời gian ở một trại tù ngoài bắc, tôi được xếp ngủ cùng lán với hai nhân vật sau này rất nổi tiếng trong cộng đồng. Lúc đó tôi nằm giữa, một bên là anh Lê Nghiêm Kính (nhà văn Huy Phương), và một bên là anh Đinh Thành Tiên (nhà thơ Tô Thùy Yên). Vì vậy tôi có dịp quen với hai anh. Có lẽ vì cùng có gốc “chiến tranh chính trị” nên ba chúng tôi đã được xếp ở cùng lán với nhau. Bây giờ anh Nghiêm, anh Huy Phương, và anh Tô Thùy Yên đều đã trở thành

*“Những người muôn năm cũ  
Hồn ở đâu bây giờ?”....*

Nhiều lúc, ngòi ngẫm nghĩ, tôi tự hỏi “vì đâu nên nỗi”, vì sao cả nước cùng chịu hy sinh, gian khổ suốt 21 năm; cả trăm ngàn quân, dân, cán, chính đã nằm xuống, biết bao xương máu đổ xuống mà quê hương lại mất một cách tức tưởi như vậy? Lý tưởng quốc gia mà Trường Võ Bị hun đúc, chúng tôi có còn giữ được? Nhiệm vụ “bảo quốc, an dân” mà quân đội giao phó, chúng tôi có hoàn thành? Một người Việt TNCS từng tự đặt câu hỏi này, và tự thú “tôi làm tôi mất nước”.

Tôi cũng có dịp đọc câu chuyện về một nhà sư Phật giáo (Tỳ Kheo Thích Không Chiếu, nguyên là Đại tá Trần Văn Tự, xuất thân K. 5 Trường Võ Bị Liên Quân Đà Lạt, cựu Tỉnh trưởng kiêm Tiểu khu trưởng tỉnh Ninh Thuận, Phan Rang) trong tuyển tập truyện ngắn “Thân Tùng Trước Bão Táp” của tác giả Orchid Thanh Lê. Ông cũng bị đi tù cs 12 năm (1975–1987). Ông rất tin vào luật nhân quả của nhà Phật.

*“Nhận ra nghiệp của mình để mất miền Nam nên phải vào tù để trả nghiệp, ông nói với anh em:*

*Mình tạo nghiệp, vào tù để trả nghiệp.”* –(Thân tùng trước bão táp – Orchid Thanh Lê)

Có lẽ ông nói đúng, không phải như bọn VC vẫn tuyên truyền láo lếu “quân, dân, cán, chính VNCH phải đi tù vì có tội với nhân dân, có nợ máu với nhân dân”.

Nghĩ lại quãng đời tù gian khổ này, tôi nghĩ mình cũng còn may mắn hơn nhiều chiến hữu cùng cảnh ngộ. Tôi được sự hỗ trợ của gia đình, của mẹ, và các em, nhất là của người vợ tào khang, tuy còn trẻ (25 tuổi ngày tôi đi tù), nhưng tháo vát, hy sinh mọi thứ để lo cho gia đình nhỏ của chúng tôi, (vợ tôi là một giáo sư trung học VNCH, dạy Anh văn, nên vẫn còn giữ được việc làm sau 1975). Ngày về, tôi vẫn còn một gia đình êm ấm để nương tựa.

### **Thời gian chờ định cư tại Hoa Kỳ (1984–1992)**

Ở trong tù, cũng như các anh em đồng cảnh ngộ, tôi chỉ bận tâm đến sức khỏe bản thân, nhớ nhà; còn những nỗi lo khác ngoài tầm tay, nên tôi không nghĩ đến. Khi về nhà, tôi mới ý thức được gia đình của người tù cũng ở trong một “nhà tù lớn”, với nhiều nỗi lo cả vật chất lẫn tinh thần. Ngoài làm việc vất vả để mưu sinh, gia đình họ còn chịu nhiều áp lực (từ công an khu vực, từ các ủy ban nhân dân khóm, phường, quận... khi cần đến giấy tờ). Đi đâu cũng phải khai báo, tạm trú, tạm vắng... Đời sống thật ngạt thở. Tôi càng thấm thía sự giả dối trong khẩu hiệu “độc lập, tự do, hạnh phúc” của CS, và ý thức rằng sự hy sinh xương máu của quân, dân miền Nam để đổi lấy cuộc sống tự do 21 năm thời VNCH thật đã không uổng phí! Tôi nghĩ bản thân mình cũng như cá nằm trên thớt, không biết sẽ bị bức hại vào lúc nào, rồi cả vợ con cũng sẽ bị trù dập trong chế độ mới.

Đúng như tôi suy nghĩ, vợ tôi dù tận tụy trong công việc cũng không được xét vào “biên chế” (giáo viên chính thức); con gái lớn của tôi, dù đậu cao trong kỳ thi tốt nghiệp trung học cũng không được xét trúng tuyển vào đại học (1991). Tôi đã nghĩ đến chuyện vượt biên, nhưng không có đủ tiền nên đành chịu. May sao tin tức về chương trình ODP (Orderly Departure Program), do chính phủ Mỹ bảo trợ, trong đó có chương trình định cư tại Hoa Kỳ dành cho các cựu tù nhân chính trị, đã cho những người cựu tù cs như tôi một nguồn hy vọng lớn.

Vợ tôi đã gửi đơn xin định cư trong chương trình này vào năm 1982, lúc tôi còn đang trong tù, nên đơn xin tỵ nạn của gia đình tôi sớm được chấp nhận. Tôi biết tương lai sẽ mở rộng cho cả gia đình, nên yên tâm chờ đợi; nhưng cũng phải mất 8 năm gia đình tôi mới đặt chân đến Hoa Kỳ (H 13, tháng 8, 1992). Đây là lần lánh nạn cộng sản thứ hai trong đời tôi.

### **Thời gian định cư tại Hoa Kỳ: 1992 đến nay**

Thời gian đầu định cư tại Hoa Kỳ gia đình tôi, cũng như bao gia đình cựu TNCT khác, phải cố gắng rất nhiều để hội nhập vào cuộc sống mới, tìm chỗ ở cho gia đình, trường học cho con, học lái xe, tìm việc làm... Tôi có hai người em ruột đi vượt biên và định cư tại Minnesota từ 1982, nên mới quyết định chọn ở tiểu bang lạnh giá miền Midwest này.

Nhờ sự giúp đỡ của bà con họ hàng, của các bạn hữu tại Minnesota cũng như các nơi khác, và nhờ nỗ lực của bản thân, cuộc sống của gia đình tôi được sớm ổn định. Cả hai vợ chồng tôi đều đi làm, và không phải sống nhờ vào trợ cấp của chính phủ, các cháu vẫn tiếp tục đi học.

Là một cựu tù nhân chính trị, một người tỵ nạn cộng sản tại Hoa Kỳ, so với nhiều anh em trong quân đội, tôi thấy mình có nhiều may mắn hơn họ: sống sót được sau cuộc chiến chống cộng sản lâu dài (21 năm), sau thời gian ở tù cộng sản 9 năm, và cuối cùng đưa được gia đình đến định cư tại Hoa Kỳ, được hưởng cuộc sống tự do, dân chủ, có phẩm giá. Vì vậy, tôi đã dành nhiều thì giờ tham gia các sinh hoạt cùng các hội đoàn tại địa phương, như Hội Võ Bị, Hội Cựu Tù Nhân Chính Trị, Hội Cựu Quân Nhân QLVNCH, Cộng Đồng Việt Nam MN, Cộng Đồng Người Việt Tỵ Nạn MN (từ 1993 đến 2020).

Sinh hoạt của các hội đoàn (chỉ dành cho các hội viên), hay các cộng đồng (cho tất cả người Việt TNCS tại địa phương) ngoài mục đích “ái hữu” giúp những anh em bước đầu xa lạ dần trở thành bạn hữu, nâng đỡ nhau trong cuộc sống nơi xứ lạ quê người, còn giúp người Việt TNCS thể hiện lập trường chính trị của mình: giữ vững lý tưởng tự do, dân chủ của quốc gia VNCH, bảo vệ cờ vàng ba sọc đỏ là cờ di sản của người Việt TNCS, bảo vệ cộng đồng chống sự tuyên truyền và xâm nhập của cộng sản.

Trong tinh thần nói trên, trong nhiều năm, tôi đã tham gia hoạt động cùng các anh em chiến hữu, đồng bào thực hiện được một số thành quả đáng kể như vận động các hội đồng thành phố Saint Paul, Minneapolis, Saint Cloud, cùng lưỡng viện quốc hội tiểu bang Minnesota thông qua các nghị quyết công nhận cờ VNCH là cờ đại diện cho người Việt tỵ nạn cộng sản tại MN (vào các năm 2003, 2004, và 2005). Nhờ các nghị quyết này người Việt tại MN đã gặp thuận lợi trong việc hạ những lá cờ cộng sản treo tại các trường học, siêu thị, bệnh viện... thay cờ máu cs bằng cờ vàng ba sọc đỏ, đem lại niềm vinh dự cho người Việt TNCS tại MN.

Anh Nguyễn Văn Thiệt K. 14 là người giới thiệu tôi tham gia sinh hoạt cộng đồng rất sớm, chỉ 1 năm sau ngày gia đình tôi đến Minneapolis, MN; đầu tiên với tính cách là đại diện cho Hội Võ Bị trong Ban Chấp Hành Cộng Đồng VN/MN. Niên trưởng Vũ Quang K. 6 cánh chim đầu đàn của VB tại MN đã ưu ái hướng dẫn các đàn em trong việc hội nhập vào xã hội mới. Phu nhân của Niên trưởng Quang, giáo sư Nguyễn Thị Bạch Tuyết là cô giáo môn Pháp văn của nhà tôi tại trường nữ trung học Gia Long niên khoá 1965–1966, nên chúng tôi được niên trưởng và phu nhân dành cho những tình cảm đặc biệt, khiến chúng tôi thấy ấm lòng khi chân ướt chân ráo đến miền đất mới. Rồi với sáng kiến của anh Điền Minh Xuyên K. 22, Nhóm Hội Võ Bị và Thân Hữu được thành lập, mỗi tháng anh em họp mặt một lần, ăn uống, chuyện trò vui vẻ, người may mắn hốt hụi lại được mượn một số tiền kha khá để chi tiêu mà không phải trả tiền lời! Nhờ sinh hoạt đặc biệt này, anh em Võ Bị MN các khoá đã trở nên thân thiết như một gia đình mở rộng cho đến ngày nay; các chuyện vui, buồn đều chia sẻ với nhau.

Sinh hoạt của Hội Võ Bị MN trở nên phong phú hơn nhờ cộng tác với liên Hội VB Bắc Trung Tây Hoa Kỳ (từ năm 2001). Anh Trịnh Văn Ba K. 18, Anh Lê Văn Hoạt K. 18, Anh Nguyễn Văn Rong K. 19, anh Ngô Nơi K. 26.... đã giúp cho liên hội VB/BTT phát triển mạnh. Anh em VB chịu khó về họp mặt hàng năm, tại nhiều tiểu bang trong vùng như Indiana, Minnesota, Wisconsin, Illinois, vừa có dịp đi du lịch tại nhiều thành phố mới, lại có dịp tham dự trại hè, picnic cùng các cháu thanh thiếu niên Đa Hiệu, giúp các cháu làm quen với sinh hoạt VB, kết bạn mới. Sau khi các anh Ba, anh Hoạt, anh Rong qua đời thì hoạt động của liên hội VB/BTT không còn như xưa. Thật là một điều đáng tiếc.

Cũng nhờ sinh hoạt cộng đồng tôi có dịp quen biết với nhiều chiến hữu xuất thân từ nhiều quân trường, thuộc nhiều quân, binh chủng. Nhờ sự hỗ trợ của họ, tôi gặp nhiều thuận lợi trong sinh hoạt cộng đồng, và đạt được một số thành tựu trong công việc. Có người đến từ California xa xôi như Trung tá Nguyễn Ngọc Đa (Khoá 4 Thủ Đức) lại rất gắn bó với Minnesota, luôn sát cánh cùng anh em Võ Bị MN trong các sinh hoạt cộng đồng. Sau này do các hội đoàn yêu cầu, ông đã đảm nhận chức chủ tịch Cộng Đồng Người Việt Ty Nạn MN (2002–2005) thay cho ông Nguyễn Xuân Huân phải di chuyển về Texas. Sự tận tụy với công việc và tinh thần trách nhiệm cao của ông trong sinh hoạt cộng đồng là một tấm gương sáng, nên ông được các anh em thân hữu đặc biệt thương mến, kính trọng.

Các chiến hữu trong cộng đồng MN không phân biệt khoá lớn, khoá nhỏ, hiện dịch hay trừ bị, đã kết hợp với đồng bào gồm cả đại diện các cộng đồng và đồng bào nhiều địa phương, chung tay làm những công việc nhiều ý nghĩa phục vụ cộng đồng, và làm sáng tỏ chính nghĩa của người Việt TNCS tại Minnesota, đúng với câu “đoàn kết nên sức mạnh”. Nhờ sự đoàn kết này, người Việt MN đã hoàn thành Đài Tưởng Niệm Chiến Sĩ Việt–Mỹ tại Saint Cloud, MN năm 2007 (CSVSQ Nguyễn Kiếm Hoa K. 23 là người trách nhiệm chính), nhiều lần tổ chức gây quỹ giúp thương binh VNCH tại quê nhà, nhiều lần tham dự diễn hành văn hóa ở New York (với sự cộng tác đặc lực của anh Sĩ Nguyễn, chủ nhiệm tuần báo Sài Gòn Nhỏ MN). Những hoạt động này để lại cho tôi nhiều kỷ niệm đẹp trong quãng đời lưu vong TNCS tại Hoa Kỳ.

Ngoài việc tham gia các sinh hoạt cộng đồng với các chiến hữu và đồng bào, tôi cũng dành thì giờ viết những bài xã luận, về các đề tài mà người Việt TNCS quan tâm: lý tưởng quốc gia, cuộc chiến chống cộng và tay sai VC, tội ác VC đối với đất nước và người dân... Các bài viết này được phổ biến trên đặc san Đa Hiệu của Trường Võ Bị, trong đặc san Niềm Tin của Cộng Đồng Người Việt Ty Nạn MN (do tôi phụ trách), hay trên các trang web cộng đồng, với mục đích chia sẻ quan điểm trong cộng đồng người Việt TNCS. Cuộc chiến đấu chống cộng sản 21 năm ở trong nước (1954–1975), hay kéo dài nhiều năm sau này tại hải ngoại (từ 1975 đến nay) cần đa dạng để đối phó với một kẻ thù rất gian manh và nhiều thủ đoạn là cộng sản và tay sai.

Người Việt TNCS hoạt động cộng đồng gặp nhiều khó khăn, một phần vì sự phá hoại của cộng sản và tay sai nằm vùng, và một phần cũng vì sự thiếu trách nhiệm, vì ý thức chính

trị yếu kém của một số người Việt trong cộng đồng. Họ có mặt tại hải ngoại do di tản, vượt biên, được thân nhân bảo lãnh, hay được chính phủ Mỹ cho định cư tỵ nạn cs... nhưng vì vô tình hay cố ý, vì kiêu ngạo, tự ái, đố kỵ, hay vì lòng tham (tham tiền, tham danh), đã có những lời nói hay việc làm gây tổn thương cho chính những người cùng chiến tuyến với mình. Bản thân tôi đã trải qua những lần bị tổn thương như vậy. Nếu chọn im lặng có lẽ tôi cũng tránh được nhiều phiền toái, nhưng tôi phải lên tiếng trước những việc làm sai trái, vô ý thức của một số người quen biết. Cộng đồng Việt TNCS tại MN cũng từng mất nhiều thì giờ, công sức, và tiền bạc vì một số vụ kiện do những thành phần thiếu ý thức gây ra. Vụ kiện năm 2004 xảy ra khi đồng bào TNCS chống việc hạ cờ VNCH tại một trung tâm sinh hoạt cộng đồng tại Saint Paul, MN. Vụ kiện năm 2015 xảy ra khi cộng đồng MN chống lại việc văn công cs Đàm Vĩnh Hưng trình diễn tại một sòng bài ở MN. Cả hai vụ kiện xảy ra vì người Việt TNCS tại MN kiên quyết bảo vệ cờ VNCH, cũng như quyết bảo vệ cộng đồng chống sự xâm nhập của cộng sản.

Cả hai vợ chồng tôi đều tham gia cùng các chiến hữu và đồng bào trong hai cuộc tranh đấu nói trên. Trong tranh đấu chúng ta phải chấp nhận các hệ lụy. Tuy nhiên vào lúc khó khăn ta mới thấy được ai là người còn chung chiến tuyến, ai còn giữ được lý tưởng quốc gia, ai còn tha thiết với cộng đồng TNCS. Nhìn lại thời gian qua, tôi cảm thấy rất biết ơn những chiến hữu và đồng bào đã hết lòng giúp đỡ chúng tôi vượt qua khó khăn, nhất là trong vụ kiện năm 2015 chống văn công VC. Điển hình là ông Đỗ Văn Phúc (Texas), chủ tịch Cộng Đồng Người Việt Quốc Gia Hoa Kỳ, cô Trish Nguyễn (Georgia), nhà thơ Ý Nga (Canada), các anh Bảo Trâm, Phạm Anh Tuấn, Sĩ Nguyễn, Phạm Văn Yên (MN). Sự nhiệt tình của quý vị là tấm gương sáng trong cuộc tranh đấu chống cộng sản của người Việt TNCS tại MN.

Dòng đời là một dòng sông trôi không ngừng nghỉ, và thời gian đi nhanh như bóng câu qua cửa sổ, nhưng đã để lại trong tôi những nỗi nhớ, nỗi buồn về những mất mát khó quên trong đời. Bên cạnh nỗi buồn lớn vì mất quê hương, và tôi vẫn chưa thể trở về thăm cố quốc, còn là nỗi buồn mất những chiến hữu trong cuộc tranh đấu chống cộng để bảo vệ chiến tuyến của người Việt TNCS tại MN. Tôi đã tiễn đưa họ lần cuối và không bao giờ còn gặp lại họ, như Anh Vũ Đức Thỏa K. 28, Anh Hoàng Thanh Tùng K. 29, Bác Kiều Thế Đức, Bác Nguyễn Ngọc Đa, Anh Nguyễn Toại, Anh Đinh Nguyên Mạnh K. 13, Anh Nguyễn Huy Tư, Anh Phạm Anh Tuấn, Anh Huỳnh Long Hải, Anh Bùi Đình Giao K. 24, Anh Nguyễn Văn Chài, Anh Nguyễn Bá Sâm.... Hôm nay tôi thấp nén hương lòng tưởng nhớ những chiến hữu, những người bạn quý này.

Nhìn lại cuộc đời thăng trầm của bản thân, tôi đã chiêm nghiệm được nhiều điều. Những giá trị nhân văn và đạo đức của nền giáo dục VNCH; lý tưởng quốc gia, dân tộc được vun bồi tại quân trường Võ Bị; lý tưởng tự do, dân chủ được cổ súy tại đất nước Hoa Kỳ, là những hành trang quý giá của một người Việt quốc gia. Nếu xem lý tưởng tự do, dân chủ là kim chỉ nam cho đời mình, chúng ta không thể nào chấp nhận lý thuyết Mác-Lê, và chủ nghĩa cộng sản, vì đây là hai hệ tư tưởng đối nghịch nhau như nước với lửa. Người

yêu tự do, dân chủ không thể sống trong xã hội cộng sản, nơi con người chỉ là công cụ giúp đảng cộng sản thực hiện chính sách:

“Đảng lãnh đạo, Nhà nước quản lý, Nhân dân làm chủ”.

Họ mị dân bằng hai chữ “làm chủ”, thực ra nhân dân chỉ là “đầy tớ”, làm việc nhưng không được trả công xứng đáng; giai cấp lãnh đạo đảng cộng sản mới là chủ thật sự.

Sống trong xã hội cộng sản, tất cả chỉ là công cụ phục vụ cho bộ máy cầm quyền, nên “giáo dục xã hội chủ nghĩa” có nhiệm vụ nhồi sọ giới trẻ, để họ tin tưởng và hết lòng phục vụ đảng; quân đội cs cũng phải trung thành với đảng; đảng viên vô đạo đức, nhưng nếu phục vụ tuyệt đối cho đảng, cũng được bao che. Thử hỏi một người quen sống trong môi trường tự do, dân chủ, tôn trọng nhân quyền có sống nổi trong môi trường độc hại của xã hội cộng sản hay không? Chính vì vậy tôi đã vào quân đội, trực tiếp tham gia cuộc chiến chống cộng sản để bảo vệ miền Nam tự do; và khi trở thành người tỵ nạn cộng sản tại Hoa Kỳ (từ 1992), tôi vẫn tiếp tục chống cộng sản và tay sai; giữ vững lập trường quốc gia, không thỏa hiệp với cộng sản dưới bất cứ hình thức nào (đây cũng là tôn chỉ của trường Võ Bị). Suốt 33 năm định cư tại Hoa Kỳ, tôi chưa hề trở về Việt Nam. Tại sao đã nhận mình là người “tỵ nạn cộng sản”; để tránh nạn cs đã phải lưu vong; và trong khi Việt Nam vẫn là một nước cộng sản, vẫn còn độc tài, đảng trị, vẫn còn gieo tai họa cho người dân mà mình lại vui vẻ trở về?! Không gì có thể biện minh cho những chuyến trở về Việt Nam của những cựu quân nhân mang danh “tỵ nạn cộng sản”!

Cuộc chiến chống cộng của người Việt yêu tự do chưa đạt được kết quả mong muốn; chúng ta chưa giải thể được chế độ cộng sản, quê hương còn dưới ách thống trị của đảng cộng sản tham tàn, và người dân thường còn sống trong nghèo đói. Tuy nhiên, trong lịch sử Việt có thời đất nước bị bắc thuộc kéo dài cả ngàn năm rồi mới đánh đuổi được giặc ngoại xâm. Đất nước ta gặp nạn cộng sản chưa tới 100 năm (1930–2026), nên chúng ta vẫn hy vọng sẽ có ngày quang phục được quê hương. Thế hệ trực tiếp tham gia cuộc chiến quốc–cộng (1954–1975) nay đã bước vào độ tuổi 70, 80, 90; không còn kham nổi gánh nặng trên vai. Chúng ta đặt nhiều hy vọng vào các thế hệ hậu duệ. Mong rằng các cháu hãy nhớ một số điều quan trọng: đừng quên trau dồi tiếng Việt, đừng quên văn hóa Việt, đừng quên mình là con cháu người Việt tỵ nạn cộng sản. Các cháu được nuôi dưỡng và trưởng thành trong môi trường tự do tại hải ngoại hãy tiếp bước cha anh; giúp giới trẻ trong nước ý thức được sứ mạng của mình, và cùng họ thực hiện cuộc cách mạng dân chủ thực sự, để mở một trang mới cho lịch sử nước nhà.

*Nguyễn Quốc Đống/TVBQGVN/K. 13*



*Đăng ngày thứ Ba, April 21, 2026  
tkd, Khóa 10A-72/SQTB/ĐĐ, ĐĐ11/TĐ1ND, QLVNCH*